

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**  
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 30 tháng 9 năm 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly  
hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Hoàng Bá Thị;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**  
Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐSXST – HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020.

*Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị Đ**, sinh năm 1993 (có mặt);

*Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 04/12/2013, chị và anh Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh Th cùng sinh sống tại thị xã P đến năm 2015 thì chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ của chị

tại xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đến đầu năm 2019, anh Th chính thức nhập khẩu về xã V vào sổ hộ khẩu của bố mẹ đẻ chị.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị không hòa thuận, hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th đi làm ăn, không hay về nhà; không có trách nhiệm với vợ con và gia đình hai bên. Khi chị yêu cầu anh đưa tiền để nuôi con ăn học thì anh mắng, chửi chị. Hiện nay, chị nghe anh nói là đi làm thuê ở Hà Nội, nhưng anh không nói cụ thể đi làm ở đâu. Khoảng 01 tháng anh về nhà 01 lần thăm vợ con vài ngày.

Gia đình hai bên đã gặp chị và anh Th để khuyên giải, bảo ban nhưng anh Th không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh Th.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Bùi Quang T, sinh ngày 22/5/2014, cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu anh Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2] Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Th**: Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng anh Th đều vắng mặt.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2020 đối với bà Trần Thị Q là mẹ đẻ anh Th, bà Q cho biết: Anh Th, chị Đ có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã V, thị xã P. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh Th ở với bà tại thị xã P. Đến năm 2015, chị Đ và anh Th chuyển về ở chung với bố mẹ đẻ chị Đ tại xã V, huyện T; đầu năm 2019 chính thức chuyển hộ khẩu về để đăng ký thường trú tại xã V.

Trong cuộc sống vợ chồng chị Đ có lúc xảy ra mâu thuẫn do anh Th đi làm ăn xa không có trách nhiệm với gia đình. Nay chị Đ xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của anh Th, chị Đ, sau khi vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án cho gia đình bà được thăm nom cháu; các vấn đề khác có liên quan đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Và tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2020, mẹ đẻ chị Đ bà Nguyễn Thị Th trình bày: Từ khoảng năm 2015, anh Th chị Đ cùng con nhỏ về ở với vợ chồng bà tại xã V, huyện T. Đến đầu năm 2019, anh Th chính thức nhập khẩu vào hộ khẩu của gia đình

bà. Anh Th đi làm ăn, thỉnh thoảng về nhà thăm gia đình. Hiện nay, bà nghe nói anh Th đi làm ở Hà Nội. Khi anh về hoặc những lúc anh Th điện thoại về bà đã thông báo cho anh Th về việc Tòa án gửi thông báo và Giấy báo cho anh đến để giải quyết việc ly hôn với chị Đ. Nhưng anh Th không về hoặc những khi về thường là vào ngày nghỉ và lại đi luôn nên không đến Tòa án được.

**[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:**

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị Đ và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Về con chung: đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Bùi Quang T, sinh ngày 22/5/2014 cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị Đ không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Chị Bùi Thị Đ có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th, tuy nhiên anh Th cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đ và anh Th trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 04/12/2013, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không có trách nhiệm với gia đình. Sự việc đã được hai bên gia đình khuyên giải, bảo ban nhưng anh Th không thay đổi.

Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi anh Th và chị Đ thường trú được biết, anh Th thường xuyên đi làm, không có mặt tại địa phương. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Th theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ, anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*2.2. Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung là cháu: Nguyễn Bùi Quang T, sinh ngày 22/5/2014. Khi ly hôn, chị Đ xin được nuôi cháu T và không yêu cầu anh Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với yêu cầu này của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Th cố ý vắng mặt tại Tòa án, nên chưa có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh Đ, chị Th cư trú đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Tuấn cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Bà Trần Thị Q có đề nghị, sau khi vợ chồng anh Th, chị Đ ly hôn, gia đình được quyền thăm nom cháu T, yêu cầu của gia đình anh Th là phù hợp với truyền thống đạo đức của người Việt và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ vào những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn

nhân và gia đình, người không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Khi chị Đ, anh Th có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

*2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị Đ, anh Th có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

*2.4. Về án phí:* Chị Đ là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*2.5. Về quyền kháng cáo:* Anh Th và chị Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- 1. Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.
- 2. Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Bùi Quang T, sinh ngày 22/5/2014 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T thành niên. Anh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ không yêu cầu.  
Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.
- 3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2018/0000983 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Bùi Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
- 7.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Mai**